TAND HUYỆN LỘC BÌNH **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/DS-ST
Ngày 16/8/2017
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên: Ông Hoàng Văn Na.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Thanh và bà Hoàng Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 17/2016/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2016 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11 /2017/QĐST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1965, người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị S, sinh năm 1965, cùng địa chỉ: Số A, khu PQ, thi trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2016 : Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1957, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1969, cùng địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017: Có mặt bà Thị , vắng mặt ông Tống.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị S, anh Hoàng Văn T1, cùng địa chỉ: Số A, khu PQ, thi trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

- Anh Hoàng Văn T2, anh Hoàng Văn U, cùng địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt

- Bà Nguyễn Bích T, anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng Văn V cùng địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

- Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Hùng C, chức vụ Phó chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2017: Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Lâm Văn T, chức vụ phó Chủ tịch xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2017: Có mặt.

- Ông Vi Xuân C, địa chỉ: Thôn O, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Vắng mặt không rõ lý do.

4. Người làm chứng:

+ Ông Lô Xuân N, địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

+ Ông Lô Văn P, địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn C, địa chỉ: Thôn NT, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

+ Ông Hoàng Văn T, địa chỉ: Thôn NR, xã V, huyện L, tỉnh Lạng sơn: Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn D, địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/11/2016 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Hoàng Văn K trình bày: Gia đình ông có một lô đất rừng khoảng hai ha thuộc đồi I, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có các phía tiếp giáp sau: Phía bắc giáp rừng bà Đinh Thị C, phía nam giáp khe suối, phía tây giáp đất ông Hoàng Văn T, phía đông giáp đất ông Chu Văn S. Diện tích đất tranh chấp là 5.889m^2 do ông cha để lại, gia đình ông đã quản lý từ năm 1990 trên đất có 100 cây trám trắng đường kính từ 20cm đến 30cm và 100 trám đen đường kính từ 1,5cm đến 20cm. Năm 1996 gia đình ông đã trồng 200 cây hồi từ lưng đồi trở xuống đến khe suối và năm 2002 trồng 100 cây thông từ lưng đồi lên đến đỉnh đồi, ngoài ra còn có 03 cây quả dọc, tổng giá trị đất và tài sản trên đất tranh chấp là 35.000.000 đồng. Năm 2016 ông đi thăm rừng thì phát hiện gia đình nhà ông Hoàng Văn T đã chặt và đốt phá toàn bộ cấy hồi, trám trắng, trám đen và đất cháy 10 cây thông có đường kính từ 18 đến 20 cm, hiện trên đất còn có khoảng 70 cây thông gia đình ông trồng vào năm 2002. Về căn cứ pháp lý gia đình ông chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng gia đình ông đã quản lý hơn hai mươi năm và là đất rừng ông cha để lại. Nay ông yêu cầu được quản lý sử dụng và buộc ông Hoàng Văn T phải bồi thường toàn bộ tài sản là cây hồi, cây trám trắng, cây trám đen và 03

cây quả dọc. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Văn T vì đã cấp lấn chiếm sang đất rừng của nhà ông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bà Hoàng Thị S, trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là đất rừng đất rừng bỏ hoang không ai quản lý, có địa danh là đồi L2 (CP), địa chỉ thôn NR, xã V. Năm 1990 bố chồng bà là ông Hoàng Đức T có bảo vợ chồng bà là "đất này là đất bỏ hoang nhưng liền kề với đất rừng nhà mình nên các con vào quản lý, sử dụng". Năm 1991 vợ chồng ông K, bà S bắt đầu khai phá lúc bấy giờ trên đất có nhiều cây trám trắng đã sai quả. Năm 1996 gia đình bà bắt đầu trông cây hồi khoảng 200 cây hồi con, đến năm 2002 tiếp tục trồng cây thông theo dự án Việt - Đức, hiện tại trên đất tranh chấp có khoảng 100 cây thông có đường kính khoảng 25cm, 25 cây hồi, 03 cây quả dọc và 20 cáy trám trắng và trám đen. Gia đình bà chưa được Nhà Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do đất có tranh chấp nên chưa được cấp. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T là sai nên bà yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông T và yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và yêu cầu ông Hoàng Văn T phải bồi thường thiệt hại về tài sản do gia đình ông T đã chặt phá, đốt cháy toàn bộ cây hồi, cây trám trắng, trám đen.

Các anh Hoàng Văn U, Hoàng Văn T1 và Hoàng Văn T2 đều khai năm 2002 được cùng bố mẹ vào khu đồi L2 (CP) trồng khoảng 700 cây thông và được hái trám trên đất tranh chấp.

Bị đơn ông Hoàng Văn T, ủy quyền cho bà Nguyễn Bích T trình bày: Diện tích đất tranh chấp trước năm 1996 là đất rừng bỏ hoang không ai quản lý, gia đình bà và gia đình ông H, ông Q ở cùng thôn đến xin ông chủ tịch xã V là ông Vi Xuân C tạm cấp cho vào khai thác các cây gỗ tạp, phát dọn để trồng cây hồi và quản lý mỗi nhà một mảnh rừng (tự phân chia) tại khu đồi rừng L2 (CP). Năm 2002 cán bộ thôn thông báo cho các hộ dân trong thôn đi kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà cũng đi kê khai và đã được Nhà Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003. Gia đình bà đã quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1996 cho đến nay không có ai tranh chấp. Do trồng cây hồi không có hiệu quả kinh tế nên năm 2015 các con bà đã đi khai thác các cây gỗ tạp và đốt phá cây hồi để trồng cây thông, thì gia đình ông K đến tranh chấp và cho rằng đất của ông cha ông K, gia đình bà không đồng ý. Về tài sản trên đất tranh chấp gồm có cây hồi, cây trám trắng và trám đen không phải là ông K được trồng, cây hồi là do gia đình bà trồng còn cây trám là do tự mọc không ai được trồng cả. Riêng cây thông năm 2002 ông K trồng lấn sang thửa đất do gia đình bà đang quản lý hiện nay vẫn còn 70 cây thông, do đất giáp danh nên gia đình bà không biết ông K trồng thông sang đất đã được Nhà Nước cấp cho gia đình bà. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông K, không chấp nhận bồi thường cây hồi, cây trám trắng và cây trám đen mà chỉ đồng ý cắt phần đất có 70 cây thông cho ông Hoàng Văn K quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn: Anh Hoàng Văn V và anh Hoàng Văn Đ cũng nhất trí theo ý kiến bà Nguyễn Bích T trình bày; không đồng ý yêu cầu khởi kiện đối với nguyên đơn và cho rằng ông Hoàng Văn K không được trồng cây hồi trên diện tích đất tranh chấp, còn cây trám

trắng và trám đen là do tự mọc không ai được trồng cả, do gia đình các anh không xác định được mốc giới của thửa đất số 331 mà gia đình các anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên năm 2002 gia đình ông K có trồng cây thông lấn sang là 70 cây thông theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án. Nay các anh không đồng ý bồi thường các cây hồi và cây trám trắng, trám đen cho ông K mà chỉ chấp nhận cắt phần đất có 70 cây thông mà ông K đã trồng lấn sang cho K. Nếu ông K không đồng ý thì đề nghị ông K khai thác số cây thông trên đất tranh chấp để trả lại đất cho gia đình các anh quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Hùng C trình bày: Tại công văn số 558/UBND-TNMT ngày 09 tháng 6 năm 2017 và công văn số 773/UBND-TNMT ngày 26/7/2017 đều khẳng định diện tích đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn K với ông Hoàng Văn T đều nằm trong thửa đất sô 331, tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã V đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Hoàng Văn T theo đúng trình tự, đối tượng của người sử dụng đất và theo đúng quy định của pháp luật đất đai. Năm 2008 xã V được phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự án thành lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 02/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, tại thời điểm đo đạc năm 2008 không có hộ gia đình nào đến nhận đất nên thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã V, diện tích 32.570m^2 được quy chủ là Ủy ban nhân dân xã V. Đối chiếu với bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 2003, thì thửa đất số 1071 được đo gộp từ các thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, diện tích 18.000m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn T vào năm 2003 và thửa đất số 327, tờ bản đồ số 03, diện tích 10.000m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn K vào năm 2003. Diện tích đất đang có tranh chấp tại khu vực L2 (CP) thuộc thôn K, xã V là loại đất rừng sản xuất, các tài sản khác được phép tồn tại trên đất và có thể giao quyền sử dụng đất cho người dân theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã V, người đại diện theo ủy quyền ông Lâm Văn T, chức vụ phó Chủ tịch xã V trình bày; quan điểm của Ủy ban nhân dân xã V cho rằng khi đo vẽ bản đồ năm 2008 để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chủ trương của huyện thì hai hộ gia đình ông K và ông T không thống nhất được về ranh giới của thửa đất nên việc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không thực hiện được, vì các hộ gia đình ông K và ông T đang tranh chấp. Việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhân quyền sử dụng đất cho hai hộ ông K và ông T vào năm 2003 là đúng các quy định của pháp luật đất đai. Hiện nay Ủy ban nhân dân xã V không quản lý phần diện tích nào của thửa đất số 327 và thửa số 331 đã được cấp cho ông K và ông T. Việc ông Vi Xuân C làm giấy ủy quyền cho ba hộ ông H, ông T và ông Q vào quản lý khu rừng L2 (CP) là để các hộ trên giữ đất của xã V không cho các hộ dân ở xã NK sang xâm canh, Ủy ban nhân dân xã V không có thẩm quyền cấp đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vi Xuân C trình bày; diện tích đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn K với ông Hoàng Văn T tại khu đồi

rừng L2 (CP) trước năm 1996 là đất rừng bỏ hoang không có ai quản lý, do các hộ ông Hoàng Văn T, Hoàng Minh H và Hoàng Văn Q có nhu cầu sử dụng đất để trồng trọt nên ông đã làm giấy ủy quyền cho ba hộ ông T, ông H và ông Q vào quản lý để trồng trọt và làm cơ sở pháp lý để các hộ dân tộc nùng ở xã NK không được sang xâm canh. Khi ông làm giấy ủy quyền thì trên đất rừng L2 (CP) chỉ có các cây gỗ tạp, các cây trám tự mọc không ai được trồng cả, do chưa nhận thức đầy đủ về pháp luật đất đai nên khi làm giấy ủy quyền ông chỉ thông qua Đảng ủy xã chứ không lập bằng văn bản gì cả. Việc ba hộ ông T, ông H và ông Q vào quản lý, canh tác và chia nhau như thế nào thì ông không biết. Năm 2002 có dự án trồng rừng Việt- Đức thì ông K mới tranh chấp, gọi là rừng ông cha là không có cơ sở vì ông K cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 327 liền kề với thửa đất ông T được cấp là thửa 331. Thửa đất của gia đình ông K là từ giông đồi kéo CP trở xuống suối KN, đất của gia đình ông K không thể lấy vượt qua giông đồi xuống khu L2 (CP) được. Hơn nữa vào năm 2002 khi có đợt kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông K không có đơn từ khiếu nại gì cả, sau khi lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới xẩy ra tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ ý kiến theo yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ ý kiến phản đối đối với nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48; 49 của Bộ luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70;71; 72; 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án; căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 331 cho hộ ông Hoàng Văn T là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng theo quy định của pháp luật đất đai, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn K đòi được quản lý sử dụng diện tích 8.401m^2 đất tranh chấp và tài sản trên đất tranh chấp là các cây hồi, cây trám trắng, trám đen, cây quả dọc vì không có căn cứ chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn T thừa nhận trên diện tích đất tranh chấp có 70 cây thông do ông Hoàng Văn K được trồng vào năm 2002, đề nghị Hội đồng xét xử tính giá trị 70 cây thông trên đất tranh chấp để giao cho bị đơn và buộc ông Hoàng Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn. Yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn K đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 331 đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra được tài liệu,chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Việc tranh chấp đất đai giữa các đương sự đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, nhưng hòa giải không thành. Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà

các đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai.

[2] Về tố tụng: Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; Điều 34; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03 tháng 3 năm 2017 đã xác định được diện tích đất tranh chấp là 8.401m^2, tại địa danh là đồi L2 (CP) thuộc thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn T, thuộc thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã V đo vẽ năm 2003. Diện tích đất tranh chấp có các cạnh tiếp giáp như sau:

+ Phía bắc: Có chiều dài cạnh là 36m tính từ điểm A đến điểm Đ, giáp đất của bà Đinh Thị C.

+ Phía đông: Có chiều dài 132m, tính từ điểm A đến điểm B, giấp đất ông Hoàng Văn T.

+ Phía nam: Có chiều dài cạnh là 54m + 75m = 129m, tính từ điểm B-C-D, giáp đất ông Hoàng Văn Q.

+ Phía tây: Có chiều dài 75m, tính từ điểm D đến điểm Đ, giáp đất ông Hoàng Văn K (Có sơ họa kèm theo).

[4] Về tài sản trên đất tranh chấp theo biên bản định giá tài sản ngày 03/3/2017. Do các đương sự không tự thỏa thuận được về giá trị nên đề nghị Hội đồng định giá theo giá quy định của Nhà nước. Căn cứ vào quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 24/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, thì tài sản trên đất tranh chấp gồm:

+ Cây thông có đường kính gốc từ 10 đến 20cm có giá trị là 60.000 đồng /1 cây x 70 cây = 4.200.000 đồng.

+ Cây thông có đường kính gốc dưới 5cm có giá trị là 15.000 đồng/1 cây x 600 cây = 9.000.000 đồng.

+ Cây hồi có đường kính gốc từ 03 đến 05 cm là 10 cây x 500.000 đồng/1cây = 5.000.000 đồng.

+ Cây hồi có đường kính gốc từ 5 đến 10cm là 23 cây x 850.000 đồng/1cây = 19.550.000 đồng.

+ Cây trám đen có đường kính gốc từ 5 đến 10cm là 02 cây x 100.000 đồng/1 cây = 200.000 đồng.

+ Cây trám đen có đường kính gốc từ 10 đến 20cm là 02 cây x 250.000 đồng /1 cây = 500.000 đồng.

+ Cây trám trắng có đường kính gốc từ 10 đến 20cm là 08 cây x 250.000 đồng/1 cây = 2.000.000 đồng.

+ Cây trám trắng có đường kính gốc từ 21 đến 25cm là 02 cây x 350.000 đồng/1 cây = 700.000 đồng.

+ Cây Dọc có đường kính gốc từ 10 đến 18cm là 02 cây x 250.000 đồng /1 cây = 500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất tranh chấp là 41.650.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về diện tích 8.401m^2 tại đồi rừng L2 (CP) thuộc thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn K và người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị S (vợ ông K) cho rằng; diện tích đang có tranh chấp là đất của bố mẹ ông để lại cho vợ chồng ông quản lý sử dụng, nhưng lại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ, chứng minh về nguồn gốc đất tranh chấp và nại ra khi khoanh vẽ bản đồ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 gia đình ông Hoàng Văn T đã lợi dụng đi chỉ lấn chiếm sang thửa đất của ông là thửa đất số 327, tờ bản đồ số 03, nên Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp đất của gia đình ông vào sổ của nhà ông Hoàng Văn T. Nay ông yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích 8.401m^2 đất tranh chấp và sở hữu 70 cây thông trên đất tranh chấp, buộc ông Hoàng Văn T phải bồi thường toàn bộ tài sản là cây hồi, cây trám trắng, cây trám đen và cây quả dọc, do gia đình ông T đã chặt và đốt cháy, buộc gia đình ông Hoàng Văn T di dời 600 cây thông có đường kính dưới 0,5cm mới trồng vào năm 2016. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 331. Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa ông Hoàng Văn K và bà Hoàng Thị S cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào, để chứng minh quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản đối với các cây hồi, cây trám trắng, cây trám đen và cây quả dọc, cũng như không đưa ra được căn cứ đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 331. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông K đưa ra là không có căn cứ chấp nhận. Nên phải chịu án phí về yêu cầu không được chấp nhận theo quy định. Tại phiên tòa ông K mới có yêu cầu buộc di dời 600 cây thông do gia đình bị đơn trồng vào năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông K là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không được chấp nhận và không phải chịu án phí về phần này. Về giá trị các tài sản tranh chấp gồm: 33 cây hồi có đường kính từ 03cm đến 10cm là 24.550.000 đồng, 04 cây trám đen có đường kính từ 05 đến 20cm là 700.000 đồng, 10 cây trám trắng có đường kính từ 10cm đến 25cm là 2.700.000 đồng, 02 cây quả dọc có đường kính từ 10cm đến 18cm là 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 28.450.000 đồng x 5% án phí = 1.422.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch tranh chấp quyền sử dụng đất để sung công quỹ Nhà nước. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Xét yêu cầu phản đối của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo bên bị đơn thấy rằng: Diện tích đất tranh chấp trước đây là đất rừng bỏ hoang không ai quản lý, gia đình bị đơn đã quản lý và trồng cây hồi tại khu đồi rừng L2 (CP) từ năm 1996. Năm 2002 đi kê khai và đã được Nhà Nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003, gia đình ông Hoàng Văn K cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 327 liền kề thửa đất của bị đơn. Do không xác định được về ranh giới nên năm 2002 gia đình ông K có được trồng cây thông lấn sang đất của bị đơn đang quản lý. Đại

diện theo ủy quyền bị đơn bà Nguyễn Bích T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn K, bà chỉ thừa nhận 70 cây thông mà ông K đã trồng trên đất trên đất tranh chấp. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được về diện tích đất có 70 cây thông mà nguyên đơn trồng vào năm 2002. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn đưa ra là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ theo bản đồ đất lâm nghiệp xã V đo vẽ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 thì đã xác định rõ thửa đất số 331 và thửa đất số 327 của nguyên đơn và bị đơn, theo đường phân thủy của tờ bản đồ cho thấy hai thửa đất có liền kề ở phía tây, mà nguyên đơn ông Hoàng Văn K và bà Hoàng Thị S cho rằng khi khoanh vẽ bản đồ, gia đình ông Hoàng Văn T đã lợi dụng đi chỉ lấn chiếm sang thửa đất số 327 của nguyên đơn là không có cơ sở. Do đó ý kiến của bị đơn ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Bích T đưa ra là có căn cứ thuyết phục. Cần công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 331, tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã V, huyện L đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho gia đình ông Hoàng Văn T. Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với giá trị 70 cây thông bồi thường cho nguyên đơn.

[7] Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vẫn giữ ý kiến tại công văn số 558/UBND-TNMT ngày 09 tháng 6 năm 2017, công văn số 773/UBND-TNMT ngày 26/7/2017 và khẳng định diện tích đất tranh chấp giữa ông Hoàng Văn K với ông Hoàng Văn T đều nằm trong thửa đất sô 331, tờ bản đồ số 3, bản đồ đất lâm nghiệp xã V, đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn T theo đúng trình tự, thủ tục, đối tượng của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn K không đưa ra được căn cứ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 331, tờ bản đồ số 3, bản đồ đất lâm nghiệp xã Vân Mộng đã được cấp cho gia đình ông Hoàng Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nguyên đơn ông Hoàng Văn K. Hội đồng xét xử xét thấy; ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện L đưa ra là có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tài sản trên đất tranh chấp là 70 cấy thông mà phía bị đơn cũng đã thừa nhận. Cần buộc bị đơn ông Hoàng Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị 70 cây thông x 60.000đồng/1 cây = 4.200.000 đồng cho ông Hoàng Văn K và phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi được quản lý sử dụng 8.401m^2 tranh chấp và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản gồm các cây trám trắng, trám đen, cây quả dọc và cây hồi, vì không có căn cứ và phải chịu án phí theo quy định. Không chấp nhận yêu cầu đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử đất tại thửa đất số 331 đã được cấp cho hộ Hoàng Văn T vì không đưa ra được căn cứ chứng minh. Những người làm chứng do nguyên đơn yêu cầu đều có họ hàng thân thích của nguyên đơn và không biết về nguồn gốc đất tranh chấp cũng như không biết về trình tự, thủ tục

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn, nên ý kiến của người làm chứng không được xem xét chấp nhận.

[9] Về các chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tống tụng dân sự; do các đương sự không tự thỏa thuận được giá trị tài sản có tranh chấp, yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn K được chấp nhận về phần 70 cây thông trên đất tranh chấp. Nên nguyên đơn ông Hoàng Văn K phải chịu 2/3 giá trị tài sản có tranh chấp, bị đơn ông Hoàng Văn T phải chịu 1/3 giá trị tài sản tranh chấp, cụ thể ông Hoàng Văn K phải chịu 2.000.000 đồng, ông Hoàng Văn T phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 48; Điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 104;105; khoản 1, 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai. Các Điều 158; 159; 160; 161; 163; 164; 169; 170; 221; 222; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, 9 Điều 26; Điều 34; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn K;

- Công nhận quyền sở hữu 70 cây thông trên diện tích đất tranh chấp cho ông Hoàng Văn K.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn K đòi được quản lý sử dụng 8.401m^2 đất tranh chấp, các tài sản trên đất tranh chấp gồm các cây hồi, cây trám trắng, trám đen, cây quả dọc và không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn K đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 331, tờ bản đồ số 3, bản đồ đất lâm nghiệp xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vì không có căn cứ.

- Buộc nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo bên nguyên đơn chấm dứt mọi hành vi cản trở gia đình ông Hoàng Văn T thực hiện quyền của người sử dụng đất hợp pháp.

2. Công nhận 8.401m^2 đất tranh chấp, tại địa danh đồi L2 (CP) thuộc thôn K, xã V, trong thửa đất số 331, tờ bản đồ số 3, bản đồ đất lâm nghiệp xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp cho ông Hoàng Văn T. Diện tích đất có các cạnh giáp như sau:

+ Phía bắc: Có chiều dài cạnh là 36m tính từ điểm A đến điểm Đ, giáp đất của bà Đinh Thị C.

+ Phía đông: Có chiều dài 132m, tính từ điểm A đến điểm B, giáp đất ông Hoàng Văn T.

+ Phía nam: Có chiều dài cạnh là 54m + 75m = 129m, tính từ điểm B-C-D, giáp đất ông Hoàng Văn Q.

+ Phía tây: Có chiều dài 75m, tính từ điểm D đến điểm Đ, giáp đất ông Hoàng Văn K *(Có sơ họa kèm theo).*

- Giao 70 cây thông có đường kính từ 15cm đến 20cm trên diện tích đất tranh chấp cho ông Hoàng Văn T quản lý, sử dụng. Buộc ông Hoàng Văn T phải có trách nhiệm thanh toán giá trị 70 cây thông cho nguyên đơn ông Hoàng Văn K với số tiền là 4.200.000 đồng. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tống tụng dân sự. Ông Hoàng Văn K phải chịu 2.000.000 đồng, ông Hoàng Văn T phải chịu 1.000.000 đồng. Ông Hoàng Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hoàng Văn K 1.000.000 đồng do ông K đã tạm ứng trước. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Ông Hoàng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về đất tranh chấp quyền sử dụng đất là 300.000 đồng và 1.422.500 đồng án phí dân sự tranh chấp quyền sở hữu tài sản có giá ngạch. Tổng cộng là 1.722.500 đồng án phí sung công quỹ Nhà Nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.350.000 đồng. Ông Hoàng Văn K còn phải nộp tiếp là 372.500 đồng án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà Nước.

Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lạng Sơn;*
- *VKSND huyện Lộc Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Lộc Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Văn Na